

NGHIÊN CỨU KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG LẬP

Nguyễn Thị Minh Hạnh¹

Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ

Nguyễn Hồng Anh

Viện Đánh giá Khoa học và Định giá Công nghệ

Tóm tắt:

Dựa trên nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức NC&PT công lập ở 3 quốc gia gồm Nhật Bản, Hoa Kỳ và Trung Quốc, trong đó Nhật Bản và Hoa Kỳ đại diện cho nhóm các quốc gia có nền KH&CN tiên tiến, đã xây dựng và phát triển được hệ thống tổ chức nghiên cứu với nhiều thành tựu và đóng góp nổi bật cho phát triển kinh tế-xã hội cũng như KH&CN của quốc gia. Trung Quốc là một trong những quốc gia áp dụng mô hình tổ chức hệ thống nghiên cứu theo mô hình Xô Viết, gần đây đã có nhiều cải cách lớn và liên tục trong hệ thống nhằm tiến gần hơn tới mô hình tổ chức hệ thống nghiên cứu của các quốc gia tiên tiến trên thế giới. Tác giả đã đề xuất một số bài học hữu ích cho Việt Nam trong việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các tổ chức NC&PT công lập thời gian tới.

Từ khóa: Tổ chức KH&CN; Tổ chức NC&PT; Tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

Mã số: 24041501

STUDYING INTERNATIONAL EXPERIENCE ON IMPLEMENTING AUTONOMY AND SELF-RESPONSIBILITY MECHANISM FOR PUBLIC R&D ORGANIZATIONS

Summary:

Based on international experience in implementing the mechanism of autonomy and accountability of public S&T organizations in three countries including Japan, the United States, and China, where Japan and the United States represent the group of countries with advanced science and technology, they have built and developed research organizational systems with many achievements and significant contributions to the economic-social development as well as science and technology of the country. China is one of the countries applying the organizational model of the Soviet Union's research system, and recently there have been many major and continuous reforms in the system to move closer to the organizational model of research systems of advanced countries in the world. The authors have proposed some valuable lessons for Vietnam in implementing the mechanism of autonomy and accountability for public S&T organizations in the near future.

¹ Liên hệ tác giả: hanhnguyenminh74@gmail.com

Keywords: Science and Technology organization; R&D organization; Autonomy, Self-responsibility mechanism.

1. Một số thuật ngữ có liên quan

1.1. Tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức nghiên cứu và phát triển

Theo UNESCO, tổ chức KH&CN là một hệ thống tổ chức bao gồm các viện, các trung tâm có chức năng thực hiện những nhiệm vụ về nghiên cứu khoa học; triển khai thực nghiệm, nhằm mục đích đưa ra những kết luận khoa học trên các mức độ khác nhau: có thể là những kết luận thuần túy lý thuyết, song cũng có thể là những kết luận thực nghiệm, hoặc những khuôn mẫu của một giải pháp tổ chức, quản lý, hoặc những giải pháp kỹ thuật, công nghệ (trong lĩnh vực công nghệ) (*Trường Quản lý Khoa học và Công nghệ, 2016*).

Tại Điều 3, Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 có giải thích: Tổ chức KH&CN là tổ chức có chức năng chủ yếu là nghiên cứu khoa học, nghiên cứu triển khai và phát triển công nghệ, hoạt động dịch vụ KH&CN, được thành lập và đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật.

Thông thường, hệ thống tổ chức KH&CN của một quốc gia gồm các hợp phần sau: Tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (NC&PT); Trường đại học; Tổ chức dịch vụ KH&CN. Nhiều quốc gia trên thế giới trong đó có Việt Nam đã sử dụng định nghĩa trên của UNESCO để xác định số lượng tổ chức KH&CN.

Tổ chức NC&PT được hiểu là một loại hình tổ chức thực hiện hoạt động nhằm sản xuất ra các sản phẩm KH&CN phục vụ cho toàn xã hội (với tư cách như là hoạt động công ích). Không phụ thuộc vào thành phần kinh tế, vào cấp trực thuộc, vào lĩnh vực KH&CN, tổ chức NC&PT có chức năng thực hiện một khâu hoặc nhiều khâu của chu trình “nghiên cứu-sản xuất” (*Bộ Khoa học và Công nghệ, 2004*).

Trong cuốn “*Những vấn đề then chốt của Chính sách Khoa học và Kỹ thuật*” của Y.De HEMPTINE² thì tổ chức NC&PT là các tổ chức tiến hành các hoạt động khoa học - kỹ thuật một cách thường xuyên và có tổ chức. Các hoạt động khoa học - kỹ thuật có thể do các tổ chức NC&PT nhà nước hoặc tư nhân thực hiện. Thuật ngữ tổ chức bao hàm một phổ rộng các thực thể có tư cách pháp nhân như viện, viện hàn lâm, trường đại học, hiệp hội, trung tâm, xưởng thực nghiệm,...

² Bản dịch của Trần Đức Quang, Viện Quản lý Khoa học, Hà Nội, 1987.

Các tổ chức NC&PT được tổ chức dưới hình thức viện hàn lâm, viện, trung tâm, phòng thí nghiệm, trạm nghiên cứu, trạm quan trắc, trạm thử nghiệm với chức năng chính là tiến hành hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

1.2. Tự chủ, tự chịu trách nhiệm

1.2.1. Tự chủ

Theo Từ điển Tiếng Việt (2016)³, “Tự chủ” là tự điều hành, quản lý mọi công việc của mình, không bị ai chi phối.

“Tự chủ” được hiểu là **quyền** của tổ chức KH&CN được đặt ra các kế hoạch và tìm kiếm các phương tiện thực hiện các hoạt động KH&CN (Vũ Cao Đàm, 2017). Tự chủ, về mặt ngữ nghĩa có thể được hiểu là quyền tự mình vạch kế hoạch và chương trình hoạt động cho mình và quyền tự mình tìm kiếm các nguồn tài trợ và các phương tiện để thực hiện các hoạt động đó. Cũng về mặt ngữ nghĩa, tự chủ có thể được hiểu là quyền tự mình quyết định không bị chi phối bởi hệ thống quản lý và các yếu tố ngoại lai.

Đối với các tổ chức KH&CN công lập, các quốc gia phát triển đã quan tâm đến vấn đề tự chủ rất sớm vì nó phù hợp với đặc thù của hoạt động KH&CN (tự do, sáng tạo). Các mặt tự chủ ở đây chủ yếu là tự chủ về xác định nhiệm vụ, kế hoạch chuyên môn; tự chủ về tài chính; tự chủ về nhân lực; tự chủ về sử dụng kết quả nghiên cứu. Tùy theo tình hình phát triển năng lực của tổ chức KH&CN, nhu cầu thị trường về các sản phẩm của tổ chức KH&CN cũng như quan điểm, chính sách của nhà nước mà người ta giao quyền tự chủ cho tổ chức KH&CN với các mức độ khác nhau (tự chủ hoàn toàn hoặc tự chủ một phần) (Nguyễn Vũ, 2015).

1.2.2. Tự chịu trách nhiệm

“Tự chịu trách nhiệm” được hiểu là những **ràng buộc** và **cam kết** trách nhiệm của tổ chức KH&CN trước các hoạt động KH&CN mà mình đã “tự chủ” thực hiện. “Tự chủ” luôn gắn với “tự chịu trách nhiệm” như một lẽ tồn tại, bao gồm quyền tự quyết định và phải tự chịu trách nhiệm trước quyền tự quyết định đó (Vũ Cao Đàm, 2017).

Như vậy, song song với việc giao quyền tự chủ, các cơ quan quản lý nhà nước cũng đòi hỏi các tổ chức KH&CN phải có trách nhiệm với quyền đã được giao. Đó là quyền giải trình trước cơ quan quản lý nhà nước về việc sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư, các cơ sở vật chất mà nhà nước đã giao cho

³ Từ điển Tiếng Việt (2016), NXB Khoa học Xã hội

đơn vị quản lý, sử dụng. Thông thường các quốc gia đều định kỳ tiến hành đánh giá công khai hoạt động của tổ chức KH&CN để qua đó các tổ chức KH&CN giải trình về trách nhiệm sử dụng các nguồn lực và kết quả đạt được của tổ chức KH&CN theo mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm được giao.

1.2.3. Tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các tổ chức KH&CN công lập ở Việt Nam

Ở Việt Nam, vấn đề tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các tổ chức KH&CN công lập lần đầu được đề cập đến trong Quyết định số 171/2004/QĐ-TTg ngày 28/9/2004 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt *Đề án đổi mới cơ chế quản lý KH&CN*, theo đó cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các tổ chức KH&CN công lập bao gồm các nội dung sau:

- Tự chủ về hoạt động KH&CN;
- Tự chủ về tài chính;
- Tự chủ về quản lý nhân sự;
- Tự chủ về hợp tác quốc tế.

Các nội dung tự chủ này sau đó đã được nhắc lại ở một số văn bản về quản lý tổ chức và hoạt động KH&CN như Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức KH&CN công lập. Trong Nghị định số 54/2016/NĐ-CP cơ chế tự chủ bao gồm các nội dung: Tự chủ về tài chính; Tự chủ về thực hiện nhiệm vụ; Tự chủ về tổ chức bộ máy; Tự chủ về nhân sự; Tự chủ về quản lý, sử dụng tài sản.

2. Cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các tổ chức nghiên cứu và phát triển công lập ở Nhật Bản

Tại Nhật Bản, mọi hoạt động của tổ chức NC&PT công lập chịu sự điều chỉnh của *Luật về các Viện nghiên cứu và phát triển Quốc gia*. Đây là những đơn vị có chức năng nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và nghiên cứu phát triển đặt trực thuộc các bộ quản lý ngành. Tính đến tháng 3/2019, tổng số tổ chức NC&PT trực thuộc các bộ là 27 tổ chức. Cùng với hệ thống các trường đại học, các tổ chức NC&PT công lập này có vị trí đặc biệt quan trọng trong hệ thống đổi mới quốc gia, là nơi trực tiếp tạo ra các kết quả NC&PT, hợp tác với khu vực sản xuất công nghiệp nhằm đưa ra các sản phẩm, dịch vụ KH&CN góp phần vào sự phát triển của nền kinh tế quốc dân và đảm bảo các lợi ích cộng đồng xã hội (*Bộ Khoa học và Công nghệ, 2022*).

Các tổ chức NC&PT trực thuộc các bộ đã được chuyển đổi mô hình hoạt động theo cơ chế độc lập tự chủ theo *Luật về quy tắc chung cho các tổ chức hành chính độc lập* từ năm 2009 (đã được sửa đổi, bổ sung vào năm 2014, có hiệu

lực từ năm 2015). Sau đó, các tổ chức nghiên cứu này được tổ chức, sáp nhập lại nên có sự thay đổi về số lượng từ 31 tổ chức nghiên cứu năm 2015 thành 27 tổ chức từ tháng 4/2016. Từ đó đến nay, 27 tổ chức nghiên cứu trực thuộc Bộ được xếp vào nhóm viện NC&PT quốc gia, trong đó có 3 viện được chỉ định là các viện NC&PT quốc gia đặc biệt gồm: Viện Khoa học Vật liệu Quốc gia (NIMS), Viện Hoá học và Vật lý (RIKEN) và Viện Khoa học Công nghiệp Tiên tiến Quốc gia (AIST). Sứ mệnh chung của các viện NC&PT quốc gia là thực hiện các chức năng nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và nghiên cứu phát triển, đóng góp vào phát triển kinh tế và đảm bảo lợi ích công cộng của xã hội tùy theo ngành nghề hoạt động của từng tổ chức. Đối với 3 tổ chức được chỉ định là viện NC&PT quốc gia đặc biệt có sứ mệnh rất quan trọng, đóng vai trò là tổ chức cốt lõi trong việc thúc đẩy sản xuất, phổ biến và sử dụng các thành tựu NC&PT ở đẳng cấp thế giới và dẫn đầu hoạt động đổi mới NC&PT tại Nhật Bản.

Mô hình hoạt động

Theo *Luật về quy tắc chung cho các tổ chức hành chính độc lập*, 27 viện nghiên cứu và phát triển quốc gia hoạt động theo cơ chế tự chủ, độc lập nhưng chịu sự quản lý theo định hướng KH&CN trung và dài hạn của các bộ chủ quản gồm: Văn phòng Nội các (01), Bộ Nội vụ và Truyền thông (01), Bộ Giáo dục, Văn hoá, Thể thao, KH&CN (8), Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi (7), Bộ Nông, Lâm, Ngư nghiệp (4), Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp (2), Bộ Đất đai, Hạ tầng, Giao thông và Du lịch (3) và Bộ Môi trường (1). Trong số này, 03 Viện NC&PT quốc gia đặc biệt được chỉ định (gồm NISM, RIKEN, AIST) còn chịu sự định hướng mục tiêu phát triển, đánh giá hoạt động từ Hội đồng chính sách khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia (CSTI) do Thủ tướng Nhật Bản đứng đầu.

Bên cạnh 27 tổ chức trên, các bộ vẫn có một số cơ quan trực thuộc có tên gọi là viện nghiên cứu nhưng không được xếp loại là viện nghiên cứu và phát triển quốc gia (thực hiện một trong ba chức năng: nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và nghiên cứu phát triển công nghệ). Các cơ quan này cũng hoạt động theo Luật chung về cơ quan hành chính độc lập, tự chủ và chịu sự quản lý theo mục tiêu trung và dài hạn của bộ quản lý ngành (Ví dụ: Viện Di sản văn hoá quốc gia thuộc Bộ Giáo dục, Văn hoá, Thể thao và KH&CN; Viện Đào tạo và Chính sách lao động thuộc Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi; Viện Nghiên cứu Kinh tế thương mại và Công nghiệp thuộc Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp,...). Ngoài ra, trong cấu trúc tổ chức của một số trường đại học cũng có các viện, trung tâm nghiên cứu trực thuộc nhưng không được xếp vào hệ thống viện nghiên cứu quốc gia. Các trường đại học hoạt động theo cơ chế hành chính độc lập, tự chủ riêng và các viện, trung tâm

nghiên cứu trực thuộc phần lớn thực hiện chức năng nghiên cứu gắn với sứ mệnh của khối đại học là nghiên cứu cơ bản và một phần nghiên cứu ứng dụng - hợp tác với khu vực công nghiệp. Ngoài hệ thống viện nghiên cứu công lập, có các viện, trung tâm nghiên cứu thuộc các tập đoàn công nghệ tư nhân, chủ yếu thực hiện chức năng nghiên cứu và phát triển nhằm giới thiệu vật liệu, thiết bị, sản phẩm, hệ thống, quy trình mới,... hoặc cải tiến những vật liệu, thiết bị, sản phẩm, hệ thống, quy trình hiện có phục vụ nhu cầu đổi mới của doanh nghiệp.

Nguồn lực hoạt động của các tổ chức NC&PT công

Nguồn kinh phí từ Chính phủ dành cho các viện NC&PT quốc gia bao gồm: (1) Trợ cấp chi phí hoạt động do Chính phủ cấp như nguồn tài chính cho các chi phí cần thiết duy trì hoạt động. (2) Trợ cấp chi phí bảo trì cơ sở được cấp cho các chi phí liên quan đến bảo trì cơ sở hoạt động của viện. Trong đó, trợ cấp chi phí hoạt động được trả cho chi phí nghiên cứu, chi phí nhân sự gồm cả các nhà nghiên cứu và nhân viên không làm nghiên cứu. Ngoài trợ cấp chi phí hoạt động và trợ cấp chi phí bảo trì cơ sở, các viện còn có thêm các nguồn kinh phí thông qua các nhiệm vụ nghiên cứu từ các quỹ cạnh tranh cho nghiên cứu, được cấp từ các cơ quan phân bổ kinh phí nghiên cứu như Cơ quan xúc tiến KH&CN Nhật Bản (JSPS), Cơ quan KH&CN Nhật Bản (JST), Cơ quan nghiên cứu và phát triển y tế Nhật Bản (AMED), Tổ chức phát triển công nghệ công nghiệp và năng lượng mới (NEDO),... và kinh phí từ nguồn hợp tác bên ngoài như là các nghiên cứu theo hợp đồng từ khu vực tư nhân, thu nhập từ hoạt động nghiên cứu chung, thu nhập quyên góp,... Từ năm 2016, tỷ trọng nguồn kinh phí từ hợp tác bên ngoài đã trở thành một trong những chỉ số đánh giá hiệu quả hoạt động của các viện NC&PT quốc gia.

Cơ chế đánh giá, xếp hạng tổ chức tổ chức NC&PT công

Bộ Nội vụ và Truyền thông Nhật Bản đưa ra hướng dẫn đánh giá, xếp hạng hoạt động của các viện NC&PT quốc gia. Theo đó, có 2 vòng đánh giá được thực hiện: (1) Hội đồng đánh giá trực thuộc bộ chuyên ngành thực hiện đánh giá hàng năm, cuối giai đoạn trung hạn (5-7 năm) theo các tiêu chí, mục tiêu đã được Bộ trưởng phê duyệt định hướng hoạt động của từng viện. (2) Hội đồng đánh giá do Bộ Nội vụ và Truyền thông thành lập sẽ đánh giá hàng năm, cuối giai đoạn trung hạn (5-7 năm) đối với mỗi viện. Riêng 3 viện nghiên cứu quốc gia đặc biệt còn chịu sự đánh giá của Hội đồng đánh giá thuộc Văn phòng Nội các.

Ý kiến đánh giá và khuyến nghị được gửi đến Bộ trưởng chuyên ngành để xem xét và điều chỉnh cho kế hoạch đầu tư ở giai đoạn tiếp theo. Kết quả đánh giá gồm 5 mức độ:

- S: Đạt thành tích đặc biệt xuất sắc hoặc có khả năng đạt được trong tương lai;
- A: Chưa đủ xếp loại S nhưng đạt thành tích xuất sắc hoặc có khả năng đạt được trong tương lai;
- B: Mức tiêu chuẩn, có thành tích hoặc tiềm năng tạo ra thành tích trong tương lai và hoạt động chuyên môn của viện là chắc chắn và ổn định;
- C: Cần phải có đổi mới và cải tiến hơn nữa;
- D: Cần phải có đổi mới và cải tiến sâu rộng, gồm cả điều chỉnh thay đổi ngay.

3. Cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các tổ chức nghiên cứu và phát triển công lập ở Hoa Kỳ

Ở Mỹ, tùy theo chức năng và nhiệm vụ được giao, các tổ chức NC&PT công lập sẽ có các sứ mệnh, vai trò cụ thể theo từng lĩnh vực KH&CN khác nhau nhưng tất cả sẽ đều có chung một sứ mệnh, đó là tác nhân chính trong hệ thống nghiên cứu công và là công cụ chính của Nhà nước để thúc đẩy phát triển KH&CN cũng như đổi mới sáng tạo trong nền kinh tế và bảo vệ an ninh, quốc phòng của Hoa Kỳ. Các tổ chức NC&PT công lập được Nhà nước đầu tư cho nghiên cứu để sáng tạo ra tri thức và phát triển thiết kế sản phẩm, dịch vụ mới cũng như xây dựng các nguyên mẫu để chứng minh tính khả thi của chúng. Sau đó, các doanh nghiệp có thể sử dụng để chuyển đổi các nguyên mẫu này thành các sản phẩm hoặc dịch vụ có thể được cung cấp cho thị trường hoặc thành các quy trình có thể được sử dụng để sản xuất các sản phẩm và dịch vụ thương mại (*Bộ Khoa học và Công nghệ, 2022; Nguyễn Thị Minh Hạnh, 2014*).

Tại Hoa Kỳ, hầu hết các nghiên cứu cơ bản đều được thực hiện tại các trường đại học, các phòng thí nghiệm và viện/trung tâm nghiên cứu công liên bang. Do vậy, các tổ chức NC&PT tại trường đại học, phòng thí nghiệm và viện/trung tâm nghiên cứu công liên bang có tầm quan trọng đặc biệt đối với đổi mới sáng tạo, vì các nghiên cứu giai đoạn đầu tại đó sẽ mở rộng nguồn kiến thức hoặc tạo ra tri thức mới, từ đó, khu vực tư nhân rút ra ý tưởng và thực hiện hoạt động đổi mới sáng tạo. Đặc biệt, các tổ chức NC&PT công lập cùng với các trường đại học còn đóng vai trò là nơi tập trung và phân bổ lại các nguồn lực cho đổi mới sáng tạo cũng như là nơi tạo ra và thúc đẩy phát triển đổi mới sáng tạo nguồn nhân lực và tri thức mới. Ngoài ra, các tổ chức NC&PT công lập còn đóng vai trò cầu nối giữa nghiên cứu cơ bản với việc phát triển ứng dụng và thương mại hóa công nghệ mới. Hoạt động của các tổ chức NC&PT công lập thường đóng vai trò chủ đạo và được coi là phương

tiện chính của Nhà nước trong việc chuyển đổi các kết quả NC&PT thành các đổi mới sáng tạo và theo cách đó sẽ hiện thực hóa những lợi ích kinh tế của đầu tư công vào NC&PT.

Như vậy, các tổ chức nghiên cứu công lập cùng với các trường đại học của Hoa Kỳ sẽ có chung một sứ mệnh, đó là thực hiện vai trò tác nhân chính tạo ra nguồn gốc của đổi mới sáng tạo cũng như đóng vai trò chủ đạo trong việc chuyển đổi kết quả NC&PT thành các sản phẩm đổi mới, hiện thực hóa các lợi ích kinh tế của đầu tư công vào NC&PT để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ an ninh, quốc phòng của đất nước.

Mô hình hoạt động: Tại Hoa Kỳ, hệ thống tổ chức quản lý nhà nước về KH&CN được phân cấp ở mức độ cao, việc quyết định thành lập, điều phối quản lý các hoạt động của tổ chức NC&PT công lập cũng rất đa dạng và do nhiều cơ quan thực hiện, từ Quốc hội cũng như các cơ quan quản lý liên bang đến chính quyền các bang và các địa phương, cụ thể như sau:

- Quốc hội quyết định phê chuẩn việc thành lập các tổ chức NC&PT độc lập của liên bang như Quỹ khoa học Quốc gia (NFS), Cơ quan Hàng không và Vũ trụ Hoa Kỳ (NASA), Cục Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ (EPA),... đây được coi là tổ chức NC&PT công lập và việc điều phối quản lý hoạt động của các tổ chức này sẽ do Hội đồng quản lý của các tổ chức đó thực hiện, nhưng lại giao toàn quyền cho giám đốc điều hành quản lý các hoạt động hàng ngày theo kế hoạch, chiến lược đã được hội đồng quản lý thông qua;
- Quốc hội cũng phê chuẩn việc thành lập một số tổ chức NC&PT công lập trực thuộc các bộ, ngành liên bang trên cơ sở đề xuất của Tổng thống như Viện Tiêu chuẩn và Công nghệ Quốc gia (NIST) thuộc Bộ Thương mại, Viện Y tế Quốc gia (NIH) thuộc Bộ Y tế và Dịch vụ Nhân sinh, Cơ quan các dự án nghiên cứu tiên tiến trong quốc phòng (DARPA) thuộc Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ, Cơ quan các dự án nghiên cứu tiên tiến về năng lượng (ARPAE) thuộc Bộ Năng lượng, Cơ quan các dự án nghiên cứu tiên tiến về an ninh nội địa (HSARPA) thuộc Bộ An ninh Nội địa, Cơ quan các dự án nghiên cứu tiên tiến trong tình báo (IARPA) thuộc Văn phòng Giám đốc tình báo Quốc gia,... việc điều phối quản lý các hoạt động của các tổ chức nghiên cứu công ở nhóm này do bộ, ngành chủ quản thực hiện. Tuy nhiên, Tổng thống và Quốc hội vẫn có quyền tối cao trong việc ra các quyết định về điều phối quản lý hoạt động của các tổ chức loại này trong trường hợp cần thiết;
- Tổng thống có thể ký sắc lệnh thành lập một số tổ chức KH&CN công lập độc lập như Cơ quan phát triển quốc tế Hoa Kỳ (USAID), Văn phòng Chương trình nghiên cứu biến đổi toàn cầu của Hoa Kỳ (USGCRP),... và bổ nhiệm Ban Giám đốc. Việc điều phối, quản lý trực tiếp hoạt động của

các tổ chức nghiên cứu này sẽ do Ban Giám đốc thực hiện và báo cáo định kỳ với Tổng thống theo quy định;

- Các bộ và cơ quan thuộc nội các chính phủ liên bang quyết định thành lập các tổ chức NC&PT công lập trực thuộc lĩnh vực, ngành được giao quản lý như Bộ Nông nghiệp có Cơ quan dịch vụ nghiên cứu nông nghiệp (ARS), Viện Nông nghiệp và Thực phẩm Quốc gia (NIFA), Cơ quan Nghiên cứu Kinh tế Nông nghiệp (ERS), Cơ quan Nghiên cứu và Phát triển Dịch vụ Lâm nghiệp,... Bộ Y tế và Dịch vụ Nhân sinh có Cơ quan nghiên cứu và Chăm sóc Sức khỏe (AHRQ), Cơ quan Nghiên cứu và Phát triển Y sinh nâng cao (BARDA), Viện An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp Quốc gia (NIOSH),... Bộ Quốc phòng có Cơ quan nghiên cứu Hải quân, Cơ quan nghiên cứu Hệ thống Tên lửa Phòng vệ,... Bộ Giáo dục có Viện Khoa học Giáo dục Quốc gia,... thuộc Bộ Năng lượng có Cơ quan Khí quyển và Đại dương (NOAA), Cơ quan Khảo sát Địa chất Hoa Kỳ (USGS),... việc quản lý hoạt động của các tổ chức nghiên cứu loại này do bộ chủ quản thực hiện;
- Các bang và chính quyền địa phương có thể quyết định thành lập các tổ chức nghiên cứu công lập trực thuộc tùy theo yêu cầu và uỷ quyền cho các sở chuyên ngành thực hiện việc điều phối quản lý hoạt động của các tổ chức này, ví dụ Bang New York thành lập 15 trung tâm công nghệ tiên tiến và 13 trung tâm xuất sắc, Bang California thành lập Viện Y học tái sinh, Văn phòng đổi mới sáng tạo kỹ thuật số, Bang Texas thành lập Viện nghiên cứu và phòng ngừa Ung thư, Viện Y học Gen,...
- Các tổ chức NC&PT độc lập liên bang hoặc tổ chức NC&PT độc lập trực thuộc các bộ, ngành liên bang cũng như các trường đại học công cũng có thể quyết định thành lập các tổ chức NC&PT công lập trực thuộc theo thẩm quyền đã phân cấp và quản lý các hoạt động của các tổ chức này.

Loại hình hoạt động của các tổ chức nghiên cứu công của Hoa Kỳ rất đa dạng và hiện đang tồn tại chủ yếu các loại hình sau:

- Tổ chức hành chính: Một số tổ chức nghiên cứu công lập ở Hoa Kỳ được thành lập và hoạt động như một tổ chức hành chính. Các tổ chức nghiên cứu loại này không thực hiện bất kỳ hoạt động NC&PT nào mà chỉ thực hiện nhiệm vụ quản lý các chương trình nghiên cứu đã được phê duyệt, tổ chức tuyển chọn các đơn vị chủ trì đề tài nghiên cứu, cấp phát kinh phí, theo dõi, kiểm tra và đánh giá kết quả các hoạt động NC&PT của các đề tài nghiên cứu đã tài trợ,... điển hình như Quỹ Khoa học Quốc gia (NFS);
- Tổ chức sự nghiệp công lập trực thuộc Chính phủ: Một số tổ chức NC&PT công lập được thành lập và hoạt động như tổ chức sự nghiệp công lập trực thuộc Quốc hội và các cơ quan chính phủ liên bang. Các tổ chức nghiên

cứ công lập này trực tiếp thực hiện các hoạt động NC&PT phục vụ cơ quan chủ quản theo chức năng, nhiệm vụ được giao, như Viện Khoa học Giáo dục thuộc Bộ Giáo dục. Các tổ chức NC&PT công lập này chủ yếu thực hiện các nhiệm vụ NC&PT phục vụ mục đích công do Nhà nước hoặc cơ quan chủ quản đặt hàng hoặc theo chức năng, nhiệm vụ được giao;

- Tổ chức phi lợi nhuận: Một số tổ chức NC&PT công lập ở Hoa Kỳ được thành lập và hoạt động như tổ chức phi lợi nhuận như các trung tâm nghiên cứu thuộc USAID, hay các trung tâm hợp tác nghiên cứu giữa đại học và công nghiệp do Quỹ Khoa học Quốc gia tài trợ kinh phí,... Các tổ chức nghiên cứu công lập loại này được yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ NC&PT theo đặt hàng và dưới sự chỉ đạo của cơ quan liên bang tài trợ kinh phí.

Hiện tại, nguồn vốn công tài trợ cho hoạt động KH&CN của Hoa Kỳ tập trung ở một số bộ, cơ quan liên bang và tổ chức nghiên cứu độc lập tùy thuộc theo chức năng, nhiệm vụ quản lý KH&CN được giao, nhiều nhất là Bộ Quốc phòng, Bộ Y tế và Dịch vụ Nhân sinh, Bộ Năng lượng.

Cơ chế quản lý, giám sát các tổ chức NC&PT công

Theo thể chế quản lý KH&CN hiện nay, các tổ chức NC&PT công lập của Hoa Kỳ được phân cấp và giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm rất cao. Thủ trưởng các tổ chức NC&PT công lập hầu như có toàn quyền quyết định mọi hoạt động của tổ chức mình theo chức năng, nhiệm vụ được giao và theo kế hoạch, ngân sách hàng năm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tuy nhiên, các quyết định này phải đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan cũng như quy chế quản lý nội bộ của đơn vị và của cơ quan quản lý cấp trên. Một số bộ, ngành liên bang đã thành lập Văn phòng Khoa học (Office of the Chief Scientist), Cục Khoa học hoặc đơn vị quản lý độc lập để điều phối hoạt động nghiên cứu của các tổ chức NC&PT công lập trực thuộc cũng như quản lý việc thực hiện các chương trình NC&PT đã phê duyệt, đồng thời đảm bảo sử dụng hiệu quả nhất các nguồn lực NC&PT của mình và có thể tận dụng tối đa thế mạnh của các đối tác trong cộng đồng khoa học.

Việc quản lý và giám sát hoạt động của các tổ chức NC&PT công lập chủ yếu dựa trên kế hoạch hàng năm hoặc kế hoạch thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ thông qua báo cáo thường niên.

Tuy người đứng đầu các tổ chức NC&PT công lập tại Hoa Kỳ được giao quyền tự chủ, tự quyết rất cao nhưng đồng thời cũng phải tự chịu trách nhiệm cá nhân rất lớn. Thủ trưởng tổ chức NC&PT công lập nếu không thực hiện tốt việc quản lý, điều phối các hoạt động của đơn vị mình để hoàn thành nhiệm vụ được giao cũng như mắc phải sai phạm trong điều hành và vi phạm

các quy định của pháp luật liên quan có thể sẽ buộc phải từ chức hoặc bị miễn nhiệm.

Cơ chế đánh giá, xếp hạng các tổ chức NC&PT

Đánh giá tổ chức NC&PT là việc phân tích một cách có hệ thống hiệu quả hoạt động KH&CN, điểm mạnh, điểm yếu cũng như các lợi ích mà tổ chức NC&PT đó mang lại cho kinh tế - xã hội cũng như nền KH&CN quốc gia. Cơ quan quản lý có thể sẽ sử dụng kết quả đánh giá để xem xét việc tiếp tục đầu tư, xếp hạng các tổ chức NC&PT, xác định khả năng cải tiến và tối đa hoá lợi ích của tổ chức NC&PT đối với nền kinh tế - xã hội. Ngoài ra, đánh giá còn giúp cho các cơ quan quản lý biết được kinh phí cấp cho hoạt động KH&CN của các tổ chức NC&PT có được sử dụng hiệu quả hay không cũng như kết quả đầu ra của các tổ chức NC&PT công lập có tương xứng với nguồn lực đầu vào và phù hợp với vai trò, chức năng, nhiệm vụ của tổ chức đó hay không.

Nguyên tắc chung của việc đánh giá các tổ chức NC&PT là đánh giá phải thích hợp và hữu dụng, có chất lượng cao và nghiêm túc dựa trên các thiết kế, phương pháp phù hợp, đảm bảo tính độc lập và khách quan, đảm bảo tính minh bạch và khả năng tái tạo, thực hiện theo các tiêu chuẩn đạo đức cao nhất để bảo vệ phẩm giá, quyền, sự an toàn và sự riêng tư của các bên liên quan.

Đối với các tổ chức NC&PT, các chỉ số chính và quan trọng thường được sử dụng để đánh giá kết quả đầu ra có thể bao gồm: tính lưu động của các nhà nghiên cứu, sự hợp tác với các đối tác, sở hữu trí tuệ và các lộ trình thương mại hóa, các công bố khoa học, sự ảnh hưởng đến chính sách, phát triển hoặc can thiệp để tạo các sản phẩm mới. Hai phương pháp phổ biến được sử dụng trong đánh giá các tổ chức NC&PT là phương pháp sử dụng chuyên gia cùng ngành (peer-review) và sử dụng hệ thống chỉ số đánh giá.

Theo thể chế quản lý KH&CN của Hoa Kỳ hiện nay, các tổ chức NC&PT công lập sẽ tự đánh giá thông qua báo cáo thường niên (Annual Report) kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao theo chức năng và theo kế hoạch hoạt động hàng năm đã được phê duyệt bởi cơ quan chủ quản cấp trên quản lý trực tiếp theo phân cấp, để cung cấp một nhãn quan tổng thể hàng năm về các hoạt động của tổ chức NC&PT, sau đó, cơ quan chủ quản cấp trên sẽ tổng hợp báo cáo đánh giá chung của đơn vị mình gửi bộ, ngành chủ quản. Các bộ, ngành liên quan sẽ tổng hợp báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng năm gửi Tổng thống và Quốc hội theo quy định. Đồng thời, báo cáo tự đánh giá hàng năm đó sẽ được công khai cho công chúng trên cổng thông tin điện tử của bộ, ngành liên bang. Các tổ chức NC&PT công lập sẽ thực hiện việc tự

đánh giá theo quy định của Luật về Hoạt động và Hiệu suất của Chính phủ (*Government Performance and Results Act*) được ban hành năm 1993 và sửa đổi, bổ sung năm 2010.

Trong báo cáo tự đánh giá thường niên cần nêu rõ mức độ đạt được các mục tiêu theo kế hoạch đề ra, các chỉ số chứng minh kết quả đầu ra và hiệu quả đầu tư cũng như giải thích lý do các mục tiêu không đạt được. Tại Hoa Kỳ, ngoài việc yêu cầu các tổ chức NC&PT công lập tự đánh giá hàng năm, Quốc hội và các cơ quan quản lý liên bang còn có thể yêu cầu, đặt hàng một số tổ chức đánh giá chuyên nghiệp với đội ngũ cán bộ được trang bị các kiến thức chuyên sâu cũng như phương pháp luận đánh giá hiện đại sẽ tổ chức đánh giá định kỳ hoặc đánh giá theo chuyên đề các tổ chức NC&PT công lập để xếp hạng và đưa ra các khuyến nghị cụ thể cho các cơ quan quản lý liên bang. Các khuyến nghị của các tổ chức đánh giá chuyên nghiệp đưa ra sau khi đánh giá các tổ chức NC&PT công lập phải vừa đáng tin cậy, đúng thẩm quyền, khách quan, độc lập và vừa phải phù hợp, hữu ích, kịp thời đối với nhu cầu của Quốc hội, OSTP (Văn phòng Chính sách Khoa học và Công nghệ Hoa Kỳ) cũng như các cơ quan quản lý liên bang. Hiện tại, các nguồn thông tin đánh giá, xếp hạng các tổ chức KH&CN được Quốc hội và các cơ quan quản lý liên bang sử dụng thường xuyên nhất là báo cáo đánh giá của Văn phòng Kiểm toán nhà nước (GAO), Cơ quan dịch vụ nghiên cứu của Quốc hội (CRS), Hội đồng nghiên cứu quốc gia (NRC) thuộc Viện Hàn lâm Khoa học, Kỹ thuật và Y học quốc gia (NASEM).

Thông thường, việc xếp hạng các tổ chức NC&PT công lập sẽ dựa trên một số chỉ tiêu định lượng như số lượng công bố khoa học, số lượng bằng sáng chế, số lượng công nghệ đã chuyển giao hoặc thương mại hoá,... hoặc xếp hạng “*Top 5*”, “*Top 10*”,... Các tổ chức NC&PT tại Hoa Kỳ, ngoài các tổ chức đánh giá xếp hạng độc lập còn có một số hiệp hội nghề nghiệp, quỹ phi chính phủ cũng như các nhà xuất bản khoa học có uy tín đưa ra đánh giá xếp hạng đối với các tổ chức NC&PT Hoa Kỳ trong bảng xếp hạng thế giới hoặc theo nhóm. Dù đánh giá xếp hạng không phải là sản phẩm chính thức của Chính phủ nhưng chúng vẫn có ảnh hưởng tới các tổ chức NC&PT. Các tổ chức NC&PT công lập được xếp hạng cao thường nhận được các ưu đãi trong việc xem xét tăng kinh phí đầu tư cũng như trong việc xem xét, tuyển chọn đơn vị chủ trì thực hiện các nhiệm vụ NC&PT,... trong khi những tổ chức NC&PT công lập có thứ hạng thấp thường sẽ không nhận được các ưu đãi trên và có thể sẽ là đối tượng của sự giám sát bổ sung từ các cơ quan quản lý liên bang cũng như Quốc hội.

4. Cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các tổ chức NC&PT công lập ở Trung Quốc

Trung Quốc là một trong những quốc gia thời gian qua liên tục có cải cách trong chính sách quản lý nhà nước về KH&CN nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động KH&CN cũng như khẳng định sự đóng góp của KH&CN đối với phát triển kinh tế - xã hội (*Bộ Khoa học và Công nghệ, 2022; Nguyễn Thị Minh Hạnh, 2014*).

Cải cách cơ chế quản lý KH&CN coi trọng cơ chế điều tiết của thị trường. Năm 1985, Trung Quốc ban hành Quyết định về cải cách hệ thống KH&CN, trong đó quy định thực hiện cơ chế thị trường trong vận hành hệ thống NC&PT. Mục đích là hình thành thị trường công nghệ, xem thị trường công nghệ là thể chế trung gian diễn ra các giao dịch giữa bên cung (các tổ chức NC&PT công lập) và bên cầu (tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm NC&PT). Đây là cải cách mang tính đột phá, tạo tiền đề cho sự hình thành và phát triển thị trường công nghệ. Để thị trường công nghệ vận hành, một loạt các chính sách quản lý đã được ban hành như Luật về hợp đồng chuyển giao công nghệ, thiết lập hệ thống các tổ chức phi lợi nhuận thực hiện việc đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ.

Tiến hành cải cách toàn diện hệ thống các tổ chức NC&PT công lập với nhiều phương thức và ý tưởng nhưng với chung một mục đích là nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động KH&CN. Trao nhiều quyền tự chủ cao nhất cho các tổ chức NC&PT, trao quyền tự chủ cho người đứng đầu tổ chức KH&CN công lập được quyết định ký kết hợp đồng nghiên cứu và hợp đồng dịch vụ KH&CN, quyết định liên doanh với các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân, trao quyền tự chủ về quản lý, sử dụng nhân lực KH&CN; quyền tự chủ trong việc quản lý, sử dụng và phân phối thu nhập từ các hợp đồng chuyển giao công nghệ, hợp đồng nghiên cứu khoa học và hợp đồng thực hiện dịch vụ KH&CN.

Cải cách cơ chế cấp phát tài chính từ ngân sách nhà nước cho hoạt động KH&CN theo cơ chế gắn với kết quả đầu ra, hiệu quả kinh tế. Thực hiện cơ chế cạnh tranh trong việc cấp phát và tài trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước. Thúc đẩy điều chỉnh cơ cấu tổ chức KH&CN công lập theo hướng gọn nhẹ, giảm bớt các bộ phận gián tiếp, bộ phận trung gian, tăng cường liên doanh, liên kết để tận dụng tối đa nguồn lực và tiết kiệm nguồn lực trong hoạt động KH&CN. Khuyến khích, thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong các doanh nghiệp. Chính phủ Trung Quốc đã sử dụng nhiều biện pháp để khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ như: miễn giảm thuế giá trị gia tăng đối với việc bán các phần mềm

máy tính, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ hoạt động chuyển giao công nghệ, phát triển công nghệ,... hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp thành lập các cơ sở nghiên cứu và phát triển.

Cơ chế quản lý, sử dụng đội ngũ nhân lực KH&CN được thay đổi và cải tiến mạnh mẽ, thay đổi chế độ tuyển dụng suốt đời sang chế độ bổ nhiệm có thời hạn đối với các vị trí, cho phép cán bộ khoa học có thể kiêm nhiệm nhiều việc khác nhau. Cán bộ khoa học được quyền tự chủ hoàn toàn trong việc lựa chọn chủ đề, cách thức tổ chức thực hiện hoạt động nghiên cứu. Trung Quốc cũng đã triển khai thực hiện nhiều chính sách khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân lực KH&CN trong hoạt động nghiên cứu: tạo điều kiện cho các nhà khoa học tự do di chuyển môi trường hoạt động khoa học từ trong nước ra nước ngoài, ban hành quy chế khuyến khích các nhà khoa học Trung Quốc quay về làm việc trong nước, triển khai Chương trình Quốc gia thu hút các nhà khoa học nhân tài như chương trình "100 nhân tài" của Viện Hàn lâm Khoa học Trung Quốc, cũng như chương trình của Quỹ Nghiên cứu Khoa học Tự nhiên (cấp kinh phí khoảng 120.000 USD trong bốn năm cho những nhà khoa học Trung Quốc ở nước ngoài muốn trở về nước làm việc).

Về tự chủ của các viện nghiên cứu công, tháng 7 năm 2019, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban Cải cách và Phát triển Giáo dục, Bộ Tài chính, Bộ Nhân sự và An sinh xã hội, Học viện Khoa học Trung Quốc đã phối hợp nghiên cứu để ban hành một số chính sách quan trọng thúc đẩy cơ chế tự chủ bao gồm:

4.1. Cải tiến cơ chế vận hành và quản lý của tổ chức

a) Tăng cường việc quản lý theo điều lệ

Các trường đại học, các viện nghiên cứu khoa học cần đẩy mạnh việc xây dựng điều lệ, xác định một cách khoa học chức năng và ranh giới của quyền, trách nhiệm của các loại đơn vị khác nhau.

Thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học phù hợp với chức năng và phạm vi kinh doanh được quy định trong điều lệ, hoàn thiện cơ cấu quản trị nội bộ, thiết lập cơ chế quản lý và vận hành hiệu quả. Cơ quan quản lý không can thiệp vào công việc đã được phân cấp cho các trường đại học và viện nghiên cứu.

b) Tăng cường quản lý hiệu quả

Các trường đại học và viện nghiên cứu xây dựng các mục tiêu và kế hoạch phát triển trung và dài hạn, đồng thời làm rõ các mục tiêu và chỉ số hoạt động KH&CN. Các cơ quan quản lý thực hiện việc quản lý và đánh giá hiệu quả trung hạn, dài hạn đối với các trường đại học, viện nghiên cứu và kết quả đánh

giá này sẽ được công bố một cách phù hợp. Đây sẽ là cơ sở quan trọng để cơ quan quản lý phân bổ tài chính cho đơn vị.

c) Tối ưu hóa việc quản lý các thiết lập thể chế

Các cơ quan quản lý KH&CN cần xây dựng kế hoạch đổi mới, phát triển và bố trí các cơ sở nghiên cứu khoa học theo nguyên tắc bố trí chức năng rõ ràng, hợp lý, tinh gọn hiệu quả, nhằm thúc đẩy phân bổ nguồn lực KH&CN một cách tối ưu.

Trong phạm vi chức năng được quy định trong Điều lệ của các trường đại học và viện nghiên cứu, theo nhu cầu chiến lược quốc gia, nhu cầu phát triển ngành và xu hướng phát triển công nghệ, phù hợp với nguyên tắc tinh gọn và hiệu quả, các trường đại học, viện nghiên cứu có thể độc lập thiết lập, thay đổi và hủy bỏ các thiết chế bên trong không còn phù hợp của đơn vị.

4.2. Tối ưu hóa cơ chế quản lý nghiên cứu khoa học

Vào tháng 7/2018 tại Hội nghị thường vụ Quốc vụ viện Trung Quốc do Thủ tướng Lý Khắc Cường chủ trì đã quyết định mở rộng quyền tự chủ của các nhà nghiên cứu, giải phóng năng lượng sáng tạo, cải cách chế độ quản lý dự án nghiên cứu KH&CN, các biện pháp được quyết định thực hiện bao gồm:

- (1) Cải cách phương thức quản lý nghiên cứu khoa học, tài liệu hồ sơ đề tài, dự án đã có đăng ký trên hệ thống điện tử thông tin quản lý KH&CN quốc gia, không được yêu cầu chủ nhiệm đề tài cung cấp lặp lại nhiều lần;
- (2) Giảm thiểu tất cả các loại kiểm tra, đánh giá, thẩm định dự án nghiên cứu khoa học, gộp nghiệm thu kỹ thuật và tài chính thành một lần đánh giá mang tính tổng hợp vào cuối kỳ dự án;
- (3) Các nhà nghiên cứu được phép tự giải phóng mình khỏi những công việc hành chính bằng cách mua hoặc thuê các dịch vụ chuyên nghiệp như kế toán, dịch thuật;
- (4) Hoàn toàn tin tưởng vào nhân viên nghiên cứu khoa học, tôn trọng tài năng, và cung cấp cho họ quyền tự chủ nhiều hơn về sử dụng kinh phí nghiên cứu. Thiết bị và vật tư cần thiết cho nghiên cứu khoa học có thể được hưởng quy chế xử lý đặc biệt và không cần thông qua đấu thầu;
- (5) Các nhà nghiên cứu có thể tự điều chỉnh phương hướng nghiên cứu trong điều kiện mục tiêu không thay đổi;
- (6) Các nhà khoa học đảm nhiệm dự án nghiên cứu công nghệ cốt lõi những lĩnh vực quan trọng được tăng lương và đãi ngộ, thực hiện chế độ lương theo năm cho người lãnh đạo nhóm nghiên cứu toàn thời gian và nhân tài

cao cấp (người nước ngoài thuộc diện “*mời đến Trung Quốc*”), thực hiện tăng tương ứng với tổng số tiền lương nhận được trong năm hiện tại;

- (7) Xây dựng một hệ thống đánh giá coi trọng kết quả, hiệu suất, phân biệt xử lý các dự án nghiên cứu thất bại do tính không chắc chắn của nghiên cứu khoa học mà dẫn đến việc chưa đạt được mục tiêu mong muốn với hành vi sai trái dẫn đến sự thất bại để trừng phạt nghiêm khắc các hành vi gian lận, làm giả;
- (8) Tập trung vào việc cải thiện tỷ lệ chi phí gián tiếp của các dự án nghiên cứu cơ bản, đơn giản hóa việc dự toán kinh phí nghiên cứu khoa học, thực hiện đảm bảo kinh phí nghiên cứu theo cách khác biệt, đem lại cho các nhà nghiên cứu quyền sở hữu thành quả khoa học hoặc quyền sử dụng dài hạn.
- (9) Triển khai thí điểm “*con đường màu xanh*” trong việc phê duyệt đề tài, dự án, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ, để tăng tốc độ hình thành các mô hình hướng tới áp dụng trên toàn quốc.

4.3. Cải cách các phương pháp quản lý nhân sự

a) Tạo môi trường hoạt động linh hoạt cho cán bộ nghiên cứu

Các trường đại học và viện nghiên cứu khoa học có thể xây dựng kế hoạch tuyển dụng, đặt ra các điều kiện tuyển dụng, công bố thông tin tuyển dụng, tổ chức tuyển dụng công khai một cách độc lập, tiêu chuẩn hóa quản lý sau tuyển dụng.

Hỗ trợ và khuyến khích nhân viên chuyên môn và kỹ thuật trong các trường đại học và viện nghiên cứu tham gia vào các hoạt động đổi mới dưới hình thức việc làm tạm thời, tham gia hợp tác dự án, công việc bán thời gian và khởi nghiệp tại chỗ.

Các viện nghiên cứu khoa học được phép cải tiến hệ thống việc làm nội bộ của mình và tuyển dụng độc lập những người phụ trách các cơ sở nội bộ. Người đứng đầu cơ sở nghiên cứu nội bộ được thưởng tiền và vốn chủ sở hữu do chuyển đổi thành tích KH&CN theo quy định của pháp luật.

b) Thiết lập các chức vụ một cách độc lập

Các trường đại học, viện nghiên cứu khoa học có thể độc lập xây dựng các phương án thiết lập và biện pháp quản lý trong cơ sở hoặc trong tổng số nhân sự và xác định tỷ lệ cơ cấu công việc phù hợp với các quy định của Nhà nước có liên quan và theo nhu cầu phát triển tổ chức KH&CN.

Thực hiện các hợp đồng lao động và hệ thống tuyển dụng, quản lý công việc mở. Tỷ lệ các vị trí chuyên môn và kỹ thuật cao cấp có thể được tăng lên một

cách thích hợp trong nội bộ và việc điều chỉnh sẽ được báo cáo cho các bộ phận liên quan để ghi nhận theo thẩm quyền quản lý.

Các trường đại học, viện nghiên cứu được phép giới thiệu những tài năng xuất sắc tham gia vào các hoạt động đổi mới bằng cách thiết lập các vị trí sáng tạo và linh hoạt.

4.4. Cải thiện cách thức phân phối tiền lương theo hiệu quả công việc

a) Tăng cường phân phối tiền lương dựa trên hiệu quả công việc

Các trường đại học và viện nghiên cứu có thể xác định một cách độc lập cơ cấu trả lương thực hiện công việc, phương pháp đánh giá, phương pháp phân phối, tên hạng mục tiền lương, tiêu chuẩn và phạm vi phân bổ trong tổng số tiền lương thực hiện theo quy định quốc gia có liên quan.

Trong đánh giá tổng số tiền lương thực hiện, cần ưu tiên các trường đại học và viện nghiên cứu có mức độ tập trung nhân tài cao và có hiệu suất đổi mới xuất sắc.

b) Tăng cường tác động khuyến khích của tiền lương dựa trên hiệu quả công việc đối với đổi mới công nghệ

Thí điểm áp dụng các phương thức phân bổ linh hoạt như lương hàng năm, lương thỏa thuận, lương dự án,... cho các trường nhóm đảm nhận nhiệm vụ nghiên cứu công nghệ cốt lõi trong các lĩnh vực trọng điểm của quốc gia và các nhân tài cấp cao do đơn vị giới thiệu;

Tăng các biện pháp khuyến khích công bằng đối với việc chuyển đổi thành tích KH&CN của cán bộ trong các trường đại học, viện nghiên cứu khoa học. Phần thưởng bằng tiền cho việc chuyển đổi thành tích KH&CN cho cán bộ nghiên cứu khoa học, thu nhập qua công việc bán thời gian hoặc ngoài công việc chính không bị giới hạn bởi tổng mức lương thực hiện.

5. Khái quát về tình hình thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các tổ chức khoa học và công nghệ công lập ở Việt Nam

Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm và sắp xếp lại các tổ chức KH&CN công lập là một trong những yêu cầu cấp bách nhằm đổi mới tổ chức, cơ chế quản lý và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động KH&CN của các tổ chức KH&CN công lập được đề cập đến trong nhiều văn bản quản lý KH&CN quan trọng ở Việt Nam 20 năm qua.

Gần đây, theo Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030, về mục tiêu đã khẳng định: *Hệ thống tổ chức KH&CN*

được cơ cấu lại gắn với định hướng ưu tiên phát triển quốc gia, ngành và lĩnh vực theo hướng tự chủ, liên kết, tiếp cận chuẩn mực quốc tế.

Mục tiêu trên của Chiến lược đã được cụ thể hóa một bước trong nội dung về nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược đó là: *Sửa đổi, hoàn thiện quy định pháp luật về cơ chế tự chủ của các tổ chức KH&CN công lập. Nghiên cứu giao kinh phí cho các tổ chức KH&CN công lập dựa trên đánh giá định kỳ kết quả và hiệu quả hoạt động, gắn với thực hiện phương thức Nhà nước đặt hàng, đấu thầu thực hiện nhiệm KH&CN và cơ chế khoán kinh phí đến sản phẩm cuối cùng theo kết quả đầu ra; giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức KH&CN công lập trong xây dựng cơ cấu tổ chức, tuyển dụng, sử dụng nhân lực, sử dụng kinh phí, thực hiện nhiệm vụ KH&CN.*

Tiếp đó, để triển khai thực hiện Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030, ngày 28/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Quyết định số 2667/QĐ-BKHHCN phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2025. Trong nội dung của Quyết định số 2667/QĐ-BKHHCN về phương hướng đã khẳng định: *Tiếp tục đổi mới cơ bản, toàn diện, đồng bộ về tổ chức, cơ chế tài chính, quản lý, cơ chế tự chủ của các tổ chức KH&CN công lập phù hợp với đặc thù của hoạt động KH&CN.*

Tiếp đó về mục tiêu của Quyết định số 2667/QĐ-BKHHCN đã khẳng định: *Tiếp tục đổi mới cơ chế tự chủ của tổ chức KH&CN công lập phù hợp với đặc thù của hoạt động KH&CN công lập, cơ cấu lại và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức KH&CN công lập phù hợp với đặc thù của hoạt động KH&CN công lập, tiếp cận chuẩn mực quốc tế.*

Và nội dung về nhiệm vụ, giải pháp đặt ra trong Quyết định số 2667/QĐ-BKHHCN là: *Rà soát, đánh giá để đề xuất sửa đổi, hoàn thiện cơ chế tự chủ của tổ chức KH&CN công.*

Trên thực tế việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các tổ chức NC&PT công lập ở Việt Nam qua gần 20 năm với các dấu mốc quan trọng, dựa trên các căn cứ pháp lý hướng dẫn việc thực hiện đó là:

- (1) Giai đoạn 2005 đến 2015, thực hiện theo quy định tại Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 5/9/2005 của Chính phủ *Quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức KH&CN công lập;*
- (2) Giai đoạn 2016 đến 2022, thực hiện theo quy định tại Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ *Quy định cơ chế tự chủ của tổ chức KH&CN công lập;*

- (3) Giai đoạn 2023 đến nay, thực hiện theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ *Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập*.

Mặc dù Nghị định số 60/2021/NĐ-CP được đánh giá là đã giải quyết được một số bất cập của Nghị định số 54/2016/NĐ-CP nhưng quy định mới về cơ chế tự chủ theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP khi áp dụng đối với tổ chức KH&CN công lập đã bộc lộ một số nội dung chưa phù hợp với lĩnh vực hoạt động KH&CN, đặc biệt là tự chủ về tài chính. Vì lý do này, ngày 05/9/2022 Chính phủ đã có Nghị quyết số 116/NQ-CP về phương án phân loại tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong năm 2022 trong thời gian chưa sửa đổi, bổ sung Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.

Theo Nghị quyết số 116/NQ-CP, các tổ chức KH&CN công lập tiếp tục thực hiện phương án tự chủ về tài chính theo Nghị định số 54/2016/NĐ-CP đến hết năm 2022, đồng thời xây dựng phương án tự chủ về tài chính theo quy định của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập để thực hiện từ năm 2023.

Ngày 24/6/2023, Quốc hội khóa XV ban hành Nghị quyết số 100/2023/QH15 về hoạt động chất vấn tại Kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV, tại mục 2 điểm 2.3. Đối với lĩnh vực KH&CN của Nghị quyết đề cập đến việc: “*Xây dựng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức KH&CN công lập phù hợp với đặc thù của hoạt động KH&CN*”.

Thực hiện Nghị quyết số 100/2023/QH15 nêu trên, ngày 07/7/2023, Thủ tướng Chính phủ đã có Công văn số 627/TTg-QHĐP về việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, kỳ họp thứ 5, khóa XV trong đó phân công Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì thực hiện nhiệm vụ “*Xây dựng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức KH&CN công lập phù hợp với đặc thù của hoạt động KH&CN*”. Hiện Bộ Khoa học và Công nghệ đang chủ trì xây dựng hồ sơ Dự thảo Nghị định quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức KH&CN công lập trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

6. Kết luận

Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các tổ chức NC&PT công lập ở Nhật Bản, Hoa Kỳ và Trung Quốc cho thấy:

- (1) Việc xác định rõ đối tượng tổ chức NC&PT công lập về sứ mệnh, vai trò, chức năng và nhiệm vụ trong hệ thống tổ chức KH&CN của quốc gia đóng

một vai trò đặc biệt quan trọng. Tổ chức NC&PT công lập là tổ chức nghiên cứu do các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước thành lập và cấp kinh phí hoạt động để thực hiện chức năng, nhiệm vụ mà Nhà nước giao. Nguyên tắc phổ biến là Nhà nước chỉ duy trì những tổ chức NC&PT công lập thuộc một số lĩnh vực mà Nhà nước cần thiết phải khuyến khích phát triển nhưng các thành phần kinh tế khác trong xã hội không có khả năng hoặc không muốn đầu tư.

(2) Tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức và hoạt động KH&CN là thuộc tính gắn liền với một tổ chức nghiên cứu, dù cho đó là tổ chức nghiên cứu công hay tư. Tính chất của tự chủ mang tính toàn diện trên các mặt hoạt động KH&CN, hợp tác quốc tế, thu hút và sử dụng kinh phí hiệu quả, thu hút nhân lực KH&CN chất lượng cao. Theo logic này thì không vì tổ chức NC&PT do Nhà nước thành lập và cấp kinh phí hoạt động mà tổ chức bị giới hạn hay hạn chế về quyền tự chủ. Nhà nước (Chính phủ) sẽ ban hành các quy định (Luật) quản lý hoạt động KH&CN ở các tổ chức nghiên cứu công, trong đó xác định sứ mệnh, vai trò và phân công chức năng, nhiệm vụ giữa các tổ chức NC&PT công lập.

(3) Vấn đề tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức NC&PT công lập ở nhiều quốc gia được giải quyết đồng bộ trên các khía cạnh sau:

- Cấu trúc lại hệ thống tổ chức KH&CN quốc gia, bao gồm cả hệ thống tổ chức NC&PT quốc gia;
- Xác định sứ mệnh, vai trò và phân công chức năng, nhiệm vụ cho các tổ chức NC&PT công lập trong hệ thống tổ chức KH&CN quốc gia;
- Xây dựng và ban hành công cụ pháp lý như luật về quản lý tổ chức và hoạt động của tổ chức NC&PT công lập, trong đó đặc biệt xác định rõ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức. Các luật được ban hành theo hướng trao quyền tự chủ tối đa cho tổ chức NC&PT công lập, đặc biệt là người đứng đầu tổ chức, đi cùng với đó là cơ chế chịu trách nhiệm trong thực hiện các quyền tự chủ;
- Xây dựng quy chế và tổ chức đánh giá kết quả hoạt động KH&CN của các tổ chức NC&PT công lập định kỳ, công khai và chặt chẽ.

(4) Về cơ chế đánh giá kết quả hoạt động của tổ chức NC&PT công lập: mặc dù lộ trình thực hiện ở các quốc gia có khác nhau, nhưng đều có điểm thống nhất là tổ chức NC&PT công lập nhận kinh phí tài trợ của nhà nước cần phải được đánh giá kết quả hoạt động KH&CN thường xuyên và minh bạch. Việc đánh giá này, một mặt cung cấp các thông tin phản hồi cần thiết cho cơ quan đầu tư (Chính phủ), mặt khác để chính tổ chức NC&PT nhận ra được điểm

mạnh, điểm yếu trong tổ chức và hoạt động KH&CN của mình từ đó có kế hoạch nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động trong tương lai./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Khoa học và Công nghệ (2004). *Cải cách chính sách nghiên cứu và phát triển trong bối cảnh chuyển sang nền kinh tế thị trường ở Việt Nam*. Hà Nội, Nxb Nông nghiệp.
2. Bộ Khoa học và Công nghệ (2019). *Báo cáo tình hình thực hiện cơ chế tự chủ của tổ chức KH&CN công lập*, kèm theo Công văn số 1917/BKHCN-TCCB ngày 01/7/2019.
3. Bộ Khoa học và Công nghệ (2022). *Đổi mới tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế tự chủ của tổ chức KH&CN công lập*. Báo cáo tổng hợp Đề án.
4. Bộ Khoa học và Công nghệ (2023). Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định quy định về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.
5. Trung tâm Thông tin tư liệu Khoa học và Công nghệ Quốc gia (2003). “Vấn đề tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức KH&CN công lập”. *Tổng luận Khoa học, Công nghệ, Kinh tế* năm 2003,
6. Trung tâm Thông tin tư liệu Khoa học và Công nghệ Quốc gia (2010). “Những tiến bộ mới đây trong cải cách hệ thống nghiên cứu và phát triển ở một số nước”. *Tổng luận Khoa học, Công nghệ, Kinh tế*, số 11 năm 2010.
7. Trường Quản lý Khoa học và Công nghệ (2016). *Giáo trình Quản lý Nhà nước về khoa học và công nghệ*. Hà Nội, Nxb Khoa học và Kỹ thuật.
8. Viện Ngôn ngữ học (2021). Từ điển Tiếng Việt / GS. Hoàng Phê chủ biên. TP Hồ Chí Minh, Nxb Hồng Đức.
9. Vũ Cao Đàm (2017). *Đánh giá kết quả và đề xuất giải pháp tăng cường triển khai thực hiện Nghị định số 115/2005/NĐ-CP về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức KH&CN công lập và Nghị định số 80/2007/NĐ-CP về doanh nghiệp KH&CN*. Báo cáo Đề tài cấp Nhà nước.
10. Nguyễn Thị Minh Hạnh (2014). *Nghiên cứu đề xuất cơ cấu các tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong việc tái cấu trúc hệ thống khoa học và công nghệ thời gian tới*. Báo cáo Đề tài cơ sở. Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ.
11. Nguyễn Thị Minh Hạnh (2021a). *Nghiên cứu cơ chế tự chủ của tổ chức KH&CN công lập: Phân tích trường hợp Viện Chiến lược và Chính sách KH&CN*. Báo cáo Đề tài cơ sở. Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ.
12. Nguyễn Thị Minh Hạnh (2021b). “Phát triển các tổ chức nghiên cứu và phát triển công: Kinh nghiệm quốc tế và bài học gợi suy cho Việt Nam”. *Tạp chí Chính sách và Quản lý KH&CN*, số 4 năm 2021.
13. Nguyễn Thị Minh Hạnh (2021-2022). *Nghiên cứu hiện trạng hoạt động và xu thế phát triển của một số viện nghiên cứu công ở Việt Nam*. Báo cáo Đề tài cấp Bộ Khoa học và Công nghệ.

14. Nguyễn Thị Minh Hạnh (2022). “Nhìn lại cơ chế tự chủ đối với các tổ chức nghiên cứu chiến lược, chính sách phục vụ quản lý nhà nước”. *Tạp chí Chính sách và Quản lý KH&CN*, số 1 năm 2022.
15. Nguyễn Thị Minh Hạnh (2023). *Nghiên cứu phân loại tổ chức nghiên cứu và phát triển công lập trong thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm*. Báo cáo Đề tài cơ sở. Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ.
16. Nguyễn Trường Giang (2016). “Hiện trạng và giải pháp đẩy mạnh quyền tự chủ của tổ chức KH&CN công lập”. *Tạp chí Tài chính*, số tháng 5/2016.
17. Nguyễn Vũ (2015). “Triển khai cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các tổ chức dịch vụ kỹ thuật công trong lĩnh vực tiêu chuẩn-đo lường-chất lượng”. *Tạp chí Chính sách và Quản lý Khoa học và Công nghệ*, số 1 năm 2015.